

Số: 468/QĐ-HVTC

Hà Nội, ngày 06 tháng 6 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH
Về việc ban hành Chương trình đào tạo từ xa trình độ đại học

GIÁM ĐỐC HỌC VIỆN TÀI CHÍNH

Căn cứ Quyết định số 120/2001/QĐ-TTg ngày 17/8/2001 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Học viện Tài chính;

Căn cứ Quyết định số 1296/QĐ-BTC ngày 04/6/2010 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Học viện Tài chính;

Căn cứ Thông tư số 10/2017/TT-BGDĐT ngày 28/4/2017 của Bộ GD&ĐT về việc ban hành Quy chế đào tạo từ xa trình độ đại học;

Căn cứ Quyết định số 838/QĐ-HVTC ngày 20/8/2010 của Giám đốc Học viện Tài chính về việc ban hành Chương trình đào tạo toàn khóa áp dụng cho hệ Đại học chính quy;

Căn cứ Quyết định số 789/QĐ-HVTC ngày 21/7/2014; số 790/QĐ-HVTC ngày 21/7/2014 của Giám đốc Học viện Tài chính về việc ban hành Chương trình đào tạo áp dụng cho hệ Liên thông đại học, Đại học văn bằng 2 loại hình chính quy;

Theo đề nghị của Hội đồng Khoa học & Đào tạo và Trưởng ban Quản lý đào tạo tại Tờ trình số 51/TTr-QLĐT ngày 06/6/2022.

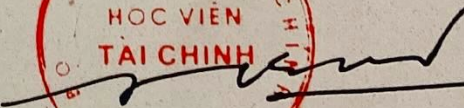
QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Ban hành kèm theo Quyết định này “Chương trình đào tạo từ xa chuyên ngành Kế toán doanh nghiệp, thuộc ngành Kế toán và chuyên ngành Quản trị doanh nghiệp, thuộc ngành Quản trị kinh doanh (có chương trình đào tạo kèm theo).

Điều 2: Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Chánh văn phòng; Trưởng các ban: Quản lý đào tạo, Khảo thí và Quản lý chất lượng, Công tác chính trị và sinh viên, Tổ chức cán bộ, Quản lý khoa học, Thanh tra giáo dục, Tài chính kế toán; Trưởng các khoa, Trưởng các đơn vị và sinh viên Chương trình đào tạo từ xa có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Bộ GD&ĐT (để b/c);
- Bộ Tài chính (để b/c);
- Ban GDHV (để chỉ đạo);
- Như điều 2;
- Lưu: VT, QLĐT (5).


GIÁM ĐỐC
HỌC VIỆN
TÀI CHÍNH

Nguyễn Trọng Cơ

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Kèm theo Quyết định số 46/QĐ-HVTC ngày 06/6/2022 của Giám đốc Học viện Tài chính)

- TÊN CHƯƠNG TRÌNH: Đào tạo từ xa
- TRÌNH ĐỘ ĐÀO TẠO: Đại học
- NGÀNH ĐÀO TẠO: QUẢN TRỊ KINH DOANH (Tên Tiếng Anh: BUSINESS ADMINISTRATION)
- MÃ NGÀNH: 7340101
- CHUYÊN NGÀNH: Quản trị doanh nghiệp (Tên Tiếng Anh: Corporate Governance)
- MÃ CHUYÊN NGÀNH: 31

1. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO

1.1. Mục tiêu chung: Đào tạo cử nhân ngành quản trị kinh doanh, chuyên ngành Quản trị doanh nghiệp có bản lĩnh chính trị vững vàng, phẩm chất đạo đức tốt, am hiểu và thực hiện đúng đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước. có trách nhiệm với bản thân và xã hội, nắm vững các kiến thức cơ bản và toàn diện về chính trị - kinh tế - xã hội, có trình độ công nghệ thông tin và ngoại ngữ đáp ứng yêu cầu công việc trong thực tiễn; Người học sau khi tốt nghiệp nắm vững kiến thức chuyên sâu về chuyên ngành Quản trị doanh nghiệp, ngành Quản trị kinh doanh; Am hiểu cấu trúc và cơ chế vận hành của tổ chức và doanh nghiệp; có tư duy sáng tạo và logic; có khả năng nghiên cứu độc lập phân tích, đánh giá và hoạch định các chính sách liên quan đến lĩnh vực Quản trị kinh doanh; Có kỹ năng thực hành thành thạo về chuyên môn; có tính kỷ luật và chuyên nghiệp cao; có các kỹ năng cần thiết; có khả năng thích ứng nhanh với môi trường làm việc trong nước và quốc tế.

1.2. Mục tiêu cụ thể (Kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và trách nhiệm, vị trí làm việc sau khi tốt nghiệp, trình độ ngoại ngữ, tin học):

1.2.1. Về kiến thức

M1: Hiểu và vận dụng được kiến thức nền tảng về khoa học xã hội, khoa học tự nhiên, khoa học chính trị, pháp luật vào nghề nghiệp và cuộc sống.

M2: Có kiến thức nền tảng về cơ sở khối ngành và ngành Quản trị kinh doanh để vận dụng và giải quyết tốt các vấn đề cơ bản về kinh tế, quản lý và quản trị trong môi trường làm việc thực tế.

M3: - Có kiến thức thực tế vững chắc, kiến thức lý thuyết sâu, rộng về chuyên ngành Quản trị doanh nghiệp của các đơn vị trong nền kinh tế.

- Hiểu và vận dụng tốt kiến thức về chuyên ngành Quản trị doanh nghiệp được đào tạo để thực hiện công việc trong lĩnh vực Quản trị kinh doanh và lĩnh vực khác. Cung cấp thông tin cần thiết để tham mưu, tư vấn cho các nhà quản lý ra các quyết định tối ưu.

1.2.2. Về kỹ năng

M4: - Có kỹ năng chuyên môn về tư duy chiến lược, kỹ năng nhận diện, phát hiện, thu thập, phân tích, xử lý thông tin; kỹ năng tổng hợp, đánh giá, phản biện; kỹ năng tham mưu, tư vấn chuyên môn cho các chủ thể quản lý liên quan đến chuyên ngành Quản trị doanh nghiệp, ngành Quản trị kinh doanh và các lĩnh vực khác.

- Có kỹ năng khởi nghiệp và tạo việc làm cho người lao động.

M5: - Có kỹ năng sử dụng, vận dụng tốt Tiếng Anh và Tin học cơ bản trong công tác, chủ động và tự tin trong việc ra quyết định về chuyên môn.

- Có kỹ năng sử dụng các phương tiện và vận hành hệ thống phần mềm hỗ trợ phục vụ công việc.

M6: Có kỹ năng truyền đạt vấn đề; Kỹ năng cần thiết để giải quyết các vấn đề phức tạp: kỹ năng làm việc độc lập, kỹ năng làm việc nhóm; Kỹ năng phản biện, phê phán và sử dụng các giải pháp thay thế trong điều kiện môi trường không xác định hoặc thay đổi.

1.2.3. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

M7: Chấp hành nghiêm chỉnh các chủ chương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước; tuân thủ quy chế, quy định của đơn vị.

M8: Có trách nhiệm đối với công việc, tổ chức và xã hội. Tuân thủ chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp. Có tác phong làm việc khoa học, chuyên nghiệp, tính kỷ luật cao. Chủ động, sẵn sàng hội nhập thị trường lao động trong nước và quốc tế.

1.2.4. Về vị trí/chức danh làm việc sau khi tốt nghiệp

- Sinh viên tốt nghiệp chuyên ngành Quản trị doanh nghiệp có cơ hội và có khả năng đảm nhận các công việc chuyên môn được đào tạo về lĩnh vực Quản trị doanh nghiệp và các lĩnh vực khác thuộc ngành Quản trị kinh doanh trong các cơ quan Nhà nước; các công ty, tổ chức, tập đoàn trong nước và quốc tế; cụ thể:

+ Sinh viên đảm nhận các công việc chuyên môn như: Quản trị nguồn nhân lực, Quản trị chiến lược, Quản trị sản xuất và tác nghiệp, Quản trị bán hàng, quản trị chất lượng,....

+ Có khả năng khởi sự doanh nghiệp của riêng mình.

- Sinh viên sau khi tốt nghiệp có thể làm giảng viên, trợ giảng, chuyên gia tư vấn, nghiên cứu viên chuyên môn về lĩnh vực Quản trị kinh doanh nói chung và lĩnh vực Quản trị doanh nghiệp nói riêng tại các cơ sở đào tạo, cơ sở nghiên cứu khoa học trên phạm vi cả nước như: các trường đại học/học viện, các viện nghiên cứu,

1.2.5. Khả năng học tập nâng cao trình độ của người học sau khi tốt nghiệp

- Có khả năng tiếp tục học tập ở bậc cao hơn tại các cơ sở đào tạo trong nước và nước ngoài.

- Có khả năng tự học, cập nhật kiến thức mới phục vụ công tác chuyên môn trong thực tiễn.

- Có khả năng tham gia các kỳ thi lấy chứng chỉ hành nghề chuyên nghiệp trong nước và quốc tế.

1.2.6. Về trình độ ngoại ngữ, tin học

- Trình độ ngoại ngữ: Đạt bậc 3/6 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc tương đương theo Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24/01/2014.

- Trình độ tin học: Đạt chuẩn kỹ năng sử dụng CNTT cơ bản theo khoản 1, điều 2, Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11/03/2014.

2. CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

2.1. Về kiến thức:

2.1.1. Kiến thức giáo dục đại cương

R1: Vận dụng được các nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác Lênin, đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam, Tư tưởng Hồ Chí Minh và chủ chương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước vào thực tế.

R2: Nắm vững những kiến thức cơ bản về Khoa học tự nhiên, Khoa học xã hội và nhân văn để vận dụng nghiên cứu, giải quyết các vấn đề phát sinh thuộc phạm vi công việc được giao.

R3: Trang bị thế giới quan, nhân sinh quan theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh, có quan điểm và nguyên tắc phân tích, đánh giá các hiện tượng kinh tế, chính trị, xã hội một cách logic, khách quan, tích cực và tiến bộ.

2.1.2. Kiến thức cơ sở khối ngành

R4: Giúp cho sinh viên nắm bắt được những nội dung lý thuyết cơ bản của nguyên lý kinh tế học, các vấn đề chính sách liên quan đến hoạt động của cơ chế

thị trường trong việc ra quyết định của các chủ thể kinh tế, giải thích được một số vấn đề kinh tế cụ thể mà thực tiễn đặt ra.

R5: Cung cấp cho sinh viên thấy được bức tranh toàn cảnh của nền kinh tế, nghiên cứu các hoạt động của nền kinh tế dưới góc độ tổng thể, đề cập đến các vấn đề kinh tế diễn ra hàng ngày cùng các chính sách điều tiết vĩ mô của Nhà nước, đồng thời giải thích được một số vấn đề kinh tế cụ thể mà thực tiễn đặt ra.

2.1.3. Kiến thức ngành và chuyên ngành

R6: - Hiểu biết đầy đủ bản chất các quy luật kinh tế - tài chính trong nền kinh tế.

- Nắm vững cơ chế chính sách pháp luật của Nhà nước. Hiểu và vận dụng kiến thức về kinh tế và quản trị kinh doanh làm nền tảng nghiên cứu chuyên sâu, giải quyết các vấn đề chuyên môn phù hợp trong thực tiễn.

- Có khả năng phân tích dữ liệu, đánh giá, dự báo, quản lý, quản trị các vấn đề trong lĩnh vực Quản trị kinh doanh. Có khả năng tự cập nhật những vấn đề mới và những thay đổi trong các lĩnh vực Quản trị kinh doanh để phục vụ cho công tác Quản trị doanh nghiệp

R7: - Nắm vững đầy đủ, toàn diện và hệ thống các kiến thức bổ trợ chuyên ngành và có khả năng tự cập nhật kiến thức để phân tích dữ liệu, đánh giá, dự báo, quản lý, quản trị các vấn đề trong lĩnh vực khác như: kinh tế, tài chính – ngân hàng, kế toán - kiểm toán và hệ thống thông tin quản lý.

R8: - Có kiến thức tổng hợp, toàn diện và hệ thống kiến thức chuyên sâu về chuyên ngành Quản trị doanh nghiệp như: Quản trị nhân lực, quản trị sản xuất và tác nghiệp, quản trị chất lượng,... Vận dụng những kiến thức chuyên ngành Quản trị doanh nghiệp để hoạch định các chiến lược trong kinh doanh của doanh nghiệp và tổ chức.

- Có kiến thức cơ bản và nắm vững kiến thức được đào tạo chuyên sâu của chuyên ngành Quản trị doanh nghiệp, tự cập nhật các quy định của các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến lĩnh vực Quản trị doanh nghiệp, ngành Quản trị kinh doanh và các lĩnh vực khác

- Sử dụng thành thạo các phương tiện kỹ thuật, phần mềm chuyên dùng phục vụ công việc đảm nhận.

2.2. Về kỹ năng:

2.2.1. Kỹ năng cứng

R9: Có kỹ năng phát hiện, xử lý các vấn đề liên quan đến chuyên ngành Quản trị doanh nghiệp và ngành quản trị kinh doanh.

R10: Có kỹ năng đánh giá, phản biện các vấn đề chuyên môn liên quan đến chuyên ngành Quản trị doanh nghiệp.

R11: Kỹ năng tổ chức điều hành và quản trị toàn bộ các hoạt động kinh doanh trong doanh nghiệp và tổ chức; kỹ năng tham mưu, tư vấn chuyên môn liên quan đến chuyên ngành Quản trị doanh nghiệp và ngành Quản trị kinh doanh.

R12: Có kỹ năng khởi nghiệp và tạo việc làm cho người khác trong ngành Quản trị kinh doanh, lĩnh vực Quản trị doanh nghiệp hoặc các lĩnh vực liên quan khác.

R13: Trình độ ngoại ngữ của sinh viên hệ chính quy đạt 450 TOEIC hoặc tương đương; đạt trình độ bậc 3/6 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam theo Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24/01/2014 hoặc tương đương.

R14: Sinh viên tốt nghiệp các chuyên ngành phải đạt chuẩn kỹ năng sử dụng CNTT cơ bản theo Khoản 1, điều 2, Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11/3/2014 (gồm các modul cụ thể sau: (i) Hiểu biết về CNTT cơ bản; (ii) Sử dụng máy tính cơ bản; (iii) Xử lý văn bản cơ bản; (iv) Sử dụng bảng tính cơ bản; (v) Sử dụng trình chiếu cơ bản; (vi) Sử dụng Internet cơ bản) hoặc các chứng chỉ tương đương.

2.2.2. Kỹ năng mềm

R15: Có kỹ năng truyền đạt vấn đề như: Có kỹ năng giao tiếp và thuyết trình, ứng xử, soạn thảo văn bản...

R16: Có kỹ năng cần thiết để giải quyết vấn đề phức tạp: làm việc nhóm. Làm việc và nghiên cứu độc lập, thiết lập duy trì các mối quan hệ để giải quyết tốt công việc liên quan...

R17: Có kỹ năng phản biện, phê phán và sử dụng các giải pháp thay thế trong điều kiện môi trường không xác định và thay thế: tự học và sáng tạo. Có kỹ năng tiếp cận và khai thác các nguồn thông tin, hệ thống các văn bản pháp luật phục vụ công việc chuyên môn...

2.3. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

2.3.1. Về năng lực tự chủ

R18: Có ý thức, trách nhiệm công dân, chấp hành nghiêm chỉnh các chủ trương, đường lối của Đảng và chính sách pháp luật của Nhà nước.

R19: Có đạo đức tốt, trung thực, khách quan và công tâm khi giải quyết công việc; Tự tin và kiên trì theo đuổi mục tiêu.

2.3.2. Về trách nhiệm

R20: Có trách nhiệm đối với công việc, tổ chức và xã hội.

R21: Tuân thủ chuẩn mực đạo đức chung về nghề nghiệp. Có tác phong làm việc khoa học, chuyên nghiệp, tính kỷ luật cao. Chủ động, sẵn sàng hội nhập thị trường lao động khu vực và quốc tế.

3. ĐỐI TƯỢNG TUYỂN SINH/TIÊU CHÍ TUYỂN SINH

Là công dân Việt Nam hoặc công dân nước ngoài, đã tốt nghiệp từ THPT hoặc tương đương trở lên.

Có đủ sức khỏe để học tập theo quy định hiện hành, không đang trong thời gian bị truy cứu trách nhiệm hình sự. Đối với công dân nước ngoài, phải đảm bảo năng lực Tiếng Việt quy định tại Điều 6 Thông tư số 30/2018/TT-BGDĐT ngày 24 tháng 12 năm 2018 quy định về quản lý người nước ngoài học tập tại Việt Nam.

4. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH

4.1. Khối lượng kiến thức toàn khóa

4.1. Khối lượng kiến thức toàn khóa

TT	Khối lượng kiến thức	TNPT	TN CĐ			TNĐH	
		SỐTC CT1	SỐTC CT2	SỐTC CT3	SỐTC CT4	SỐTC CT5	
I	Kiến thức giáo dục đại cương	36	6	6	6	6	
1	Phần bắt buộc	28	6	6	6	6	
2	Phần tự chọn	8	0	0	0	0	
II	Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp	83	57	71	53	66	
1	Kiến thức cơ sở khối ngành	6	3	3	3	3	
2	Kiến thức cơ sở ngành	25	10	20	6	17	
3	Kiến thức ngành	18	18	18	16	18	
4	Kiến thức chuyên ngành	15	15	15	15	15	
	Phần bắt buộc	13	13	13	13	13	
	Phần tự chọn	2	2	2	2	2	
5	Kiến thức bổ trợ	19	11	15	13	13	
	Phần bắt buộc	11	11	11	11	11	
	Phần tự chọn	8	0	4	2	2	
III	Thực tập tốt nghiệp	10	5	5	10	10	
	Tổng tín chỉ (I+II+III)	129	68	82	69	82	

4.2. Nội dung chương trình

TT	Mã HP	TÊN HỌC PHẦN/MÔN HỌC	TNPT	TN CAO ĐẲNG		TN ĐẠI HỌC	
			SỐ TC CT1	SỐ TC CT2	SỐ TC CT3	SỐ TC CT4	SỐ TC CT5
A	PHẦN KIẾN THỨC GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG		36	6	6	6	6
		Phần bắt buộc	28	6	6	6	6
1	ICT0101	Nhập môn Internet và E-Learning	3	3	3	3	3
2	MPT0400	Triết học Mác -Lênin	3	-	-	-	-
3	MPT0401	Kinh tế chính trị Mác Lênin	2	-	-	-	-
4	SSO0402	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	-	-	-	-
5	VPP0401	Lịch sử đảng cộng sản Việt Nam	2	-	-	-	-
6	HVE0244N	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	-	-	-	-
7	BFL0119	Tiếng Anh cơ bản	3	-	-	-	-
8	AMA0239	Toán cao cấp	3	-	-	-	-

9	PAS0107	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	3	-	-	-	-
10	GLA0141	Pháp luật đại cương	2	-	-	-	-
11	PSD0101	Phát triển kỹ năng cá nhân	3	3	3	3	3
		<i>Phần tự chọn</i>	8	0	0	0	0
12	ETH0102	Lịch sử các Học thuyết kinh tế	2	-	-	-	-
13	SOC0248	Xã hội học	2	-	-	-	-
14	MSI0056	Khoa học quản lý	2	-	-	-	-
15	PAM0148	Quản lý hành chính công	2	-	-	-	-
16	EEC0097	Kinh tế môi trường	2	-	-	-	-
17	DEC0098	Kinh tế phát triển	2	-	-	-	-
B.	PHẦN KIẾN THỨC GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP		83	57	71	53	66
	Kiến thức cơ sở khối ngành		6	3	3	3	3
18	MAE0101	Kinh tế vĩ mô 1	3	3	3	3	3
19	MIE0100	Kinh tế vi mô 1	3	-	-	-	-
	Kiến thức cơ sở ngành		25	10	20	6	17
20	SFL0115	Tiếng Anh chuyên ngành 1	3	-	-	-	-
21	SFL0116	Tiếng Anh chuyên ngành 2	3	3	3	3	3
22	APR0123	Nguyên lý kế toán	4	-	4	-	4
23	ELA0142	Pháp luật kinh tế	3	3	3	3	3
24	SPR0124	Nguyên lý thống kê	3	-	3	-	3
25	FMA0165	Quản trị học	4	4	4	-	4
26	ACO0234	Tin học ứng dụng	2	-	-	-	-
27	QEC0096	Kinh tế lượng	3	-	3	-	-
	Kiến thức ngành		18	18	18	16	18
28	FAM0192	Tài chính tiền tệ	4	4	4	4	4
29	GMA0111	Marketing căn bản	2	2	2	-	2
30	SMA0161	Quản trị chiến lược	2	2	2	2	2
31	BMA0181	Quản trị thương hiệu	2	2	2	2	2
32	PMA0147	Quản lý dự án	2	2	2	2	2
33	RMA0171	Quản trị nguồn nhân lực	2	2	2	2	2
34	CCU0246	Văn hoá doanh nghiệp	2	2	2	2	2
35	PRE0144	Quan hệ công chúng	2	2	2	2	2
	Kiến thức chuyên ngành		15	15	15	15	15
		<i>Phần bắt buộc</i>	<i>13</i>	<i>13</i>	<i>13</i>	<i>13</i>	<i>13</i>
36	QMA0160	Quản trị chất lượng	3	3	3	3	3
37	CFI0186	Tài chính doanh nghiệp 1	3	3	3	3	3
38	PMA0174	Quản trị sản xuất và tác nghiệp 1	3	3	3	3	3
39	PMA0175	Quản trị sản xuất và tác nghiệp 2	2	2	2	2	2
40	PMA0176	Quản trị sản xuất và tác nghiệp 3	2	2	2	2	2

		<i>Phần tự chọn</i>	2	2	2	2	2
41	FSM0112	Marketing dịch vụ tài chính	2	2	2	2	2
42	SMA0159	Quản trị bán hàng	2	2	2	2	2
	Kiến thức bổ trợ		19	11	15	13	13
		<i>Phần bắt buộc</i>	11	11	11	11	11
43	FAC0048	Kế toán tài chính 1	4	4	4	4	4
44	MAC0043	Kế toán quản trị 1	2	2	2	2	2
45	CFA0133	Phân tích tài chính doanh nghiệp	3	3	3	3	3
46	IEC0099	Kinh tế quốc tế 1	2	2	2	2	2
		<i>Phần tự chọn</i>	8	0	4	2	2
47	MMO0113	Mô hình toán kinh tế	2	-	-	-	-
48	IEC0033	Internet & Thương mại điện tử	2	-	2	-	-
49	CFI0187	Tài chính doanh nghiệp 2	2	-	2	2	2
50	AVA0025	Nguyên lý thẩm định giá	2	-	2	2	2
51	SMI0196	Thị trường tài chính	2	-	-	-	-
52	CST0197	Thống kê doanh nghiệp	2	-	-	-	-
53	PBA0377	Tâm lý học QTKD	2	-	2	2	2
54	TAX0215	Thuế	2	-	-	-	-
55	EPM0177	Quản trị SX và tác nghiệp (giảng bằng tiếng Anh)	2	-	2	-	2
C	THỰC TẬP CUỐI KHÓA, KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP		10	5	5	10	10
		Tổng số tín chỉ	129	68	82	69	82

Ghi chú: Chương trình đào tạo 1 dành cho sinh viên tốt nghiệp THPT; Trung cấp.

- Chương trình đào tạo 2 dành cho sinh viên đã có bằng Cao đẳng nhóm ngành Kinh doanh;
- Chương trình đào tạo 3 dành cho sinh viên đã có bằng Cao đẳng thuộc nhóm ngành: Tài chính-Ngân hàng-Bảo hiểm; Kế toán-Kiểm toán; Quản trị-Quản lý; Kinh tế học.
- Chương trình đào tạo 4 dành cho sinh viên đã có bằng Đại học thuộc nhóm ngành: Tài chính-Ngân hàng-Bảo hiểm; Kế toán-Kiểm toán; Quản trị-Quản lý; Kinh tế học.
- Chương trình đào tạo 5 dành cho sinh viên đã có bằng Đại học thuộc nhóm ngành khác.

5. QUY TRÌNH ĐÀO TẠO, ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP

5.1. Quy trình đào tạo

- Chương trình đào tạo được thiết kế hoàn thành khóa học trong 4 năm với tổng 8 học kỳ đối với Chương trình 1; 2,5 năm với 5 học kỳ đối với Chương trình 3, 5 và 2,0 năm với 4 học kỳ đối với Chương trình 2, 4.

- Quy trình đào tạo thực hiện theo quy chế đào tạo từ xa hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo và các quy định của Học viện Tài chính.

5.2. Phương pháp giảng dạy:

- Phương pháp dạy học được áp dụng là phương pháp dạy học tích cực nhằm thúc đẩy sự sáng tạo, chủ động và tích cực của sinh viên.

- Phương pháp dạy học theo hướng lấy người học làm trung tâm của quá trình đào tạo.

5.3. Cách thức đánh giá:

Đánh giá theo thang điểm 10 kết hợp với thang điểm chữ A, B, C, D, F theo quy định đào tạo tín chỉ hiện hành của Học viện Tài chính.

5.4. Điều kiện công nhận tốt nghiệp

Kết thúc khóa học, sinh viên được công nhận tốt nghiệp nếu đáp ứng được các điều kiện theo quy định đào tạo tín chỉ hiện hành của của Bộ Giáo dục và Đào tạo và các quy định của Học viện Tài chính.

6. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

- Chuyên ngành đào tạo xây dựng bản mô tả chương trình đào tạo chi tiết riêng. Việc tổ chức xây dựng nội dung đặc thù phù hợp với sự phát triển của chuyên ngành và dựa trên cơ sở bản mô tả chương trình đào tạo của ngành Quản trị kinh doanh và chuyên ngành Quản trị doanh nghiệp.

- Chương trình đào tạo được thực hiện theo Quy chế đào tạo từ xa trình độ đại học đại học hiện hành của Học viện Tài chính.

- Định kỳ, Học viện tiến hành rà soát, cập nhật và đánh giá chương trình đào tạo từ xa trình độ đại học đại học theo quy định của Bộ GD&ĐT./.



Nguyễn Trọng Cơ